

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016//UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 23 tháng 8 năm 2017 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 53/2017/TLST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2017, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của đương sự ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông **Vũ Văn T**, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã V, huyện Y, tỉnh Yên Bái.

* Bị đơn: Bà **Đặng Thị N**, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Xóm 2, xã T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Đặng Thị N có nghĩa vụ trả cho ông Vũ Văn T số tiền là 346.000.000đ (Ba trăm bốn mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án, bên có nghĩa vụ thi hành án chậm trả tiền thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng

với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Bà Đặng Thị N phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự có giá ngạch của vụ án là 8.650.000đ (*Tám triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng*).

Ông Vũ Văn T không phải chịu án phí. Hoàn trả cho anh Vũ Văn T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.650.000đ (*Tám triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số N⁰0003311 ngày 14/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKS thành phố TQ (2 bản);
- Chi cục THADS thành phố TQ ;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Thẩm phán

Nguyễn Thị Ngọc Lan